

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-4-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Phạm Ngọc Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Khúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim N, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn H, huyện H, tỉnh A. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện H, tỉnh A. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09 tháng 8 năm 2022, các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Minh có tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh A vào ngày 09/01/2004. Quá trình chung sống thì vợ chồng bà có 01 con chung tên Nguyễn Nhựt K, sinh ngày: 04/02/2004; Giới tính: Nam. Thời gian sau khi kết hôn bà và ông M chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian sau này giữa bà và ông M thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, ông M thường xuyên chửi bới và đánh đập bà, có tiền tự tiêu xài cho bản thân không lo cho gia đình, bà và ông M đã sống ly thân từ tháng 02 năm

2022 cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nay bà không thể tiếp tục sống chung với ông M. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc M.

Về con chung: Con chung tên Nguyễn Nhựt K, sinh ngày: 04/02/2004; Giới tính: Nam đã đủ tuổi trưởng thành có thể sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành làm thủ tục xét xử vắng mặt ông M.

Bà Lê Thị Kim N khởi kiện ông Nguyễn Ngọc M về việc tranh chấp “Ly hôn”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Vợ chồng bà N, ông M có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà N nhận thấy mối quan hệ giữa bà và ông M có rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, ông M thường xuyên kiểm chuyện chửi bới và đánh đập bà, tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hơn nữa, bà N và ông M đã sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu của bà N về việc ly hôn với ông M là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Con chung đã đủ tuổi trưởng thành có thể sống tự lập không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án giải quyết vắng mặt ông M là phù hợp theo quy định của Điều 227 BLTTDS.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 26, 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng đã triệu tập hợp lệ và niêm yết văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Ngọc M biết nhưng ông M không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà N với ông M là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên phát sinh mâu thuẫn, cha mẹ hai bên đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không được, bà N kiên quyết ly hôn với ông M, Tòa án đã thụ lý tiến hành hòa giải cho đoàn tụ và hết thời gian chuẩn bị xét xử, tòa án giải quyết đúng theo quy định pháp luật để ông M có điều kiện tự điều chỉnh mâu thuẫn và có phương pháp đoàn tụ, nhưng ông M không có phương pháp giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông M không đến Tòa án, nghĩa là ông M không quan tâm đến hôn nhân của ông và bà N. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N với ông M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông M là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà N, ông M có 01 con chung tên Nguyễn Nhựt K, sinh ngày: 04/02/2004; Giới tính: Nam. Xét thấy Nguyễn Nhựt K đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh có thể sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà N phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, ông M không phải chịu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 17, 27, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc M.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003306 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THA DS;*
- *UBND TT H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Thành